

THỦ TỤC VÀ CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP Ở CỘNG HÒA PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO LUẬT PHÁ SẢN VIỆT NAM

ThS. LÝ VƯƠNG THẢO

NCS. Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Thủ tục phá sản; hòa giải; thương lượng; Dự thảo Luật Phá sản.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phản biện : 19/11/2025

Duyệt đăng : 20/11/2025

Tóm tắt:

Sau hơn 10 năm thực hiện, Luật Phá sản năm 2014 còn có những hạn chế nên chưa phát huy được hết hiệu quả như kỳ vọng, một trong số đó là quy định về các loại thủ tục phá sản còn hạn hẹp và chưa phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Pháp luật phá sản cần được sửa đổi theo hướng sau đây không phải là một đạo luật quy định về “khai tử” doanh nghiệp, mà trái lại phải chứa đựng các quy định nhằm “chữa bệnh” cho doanh nghiệp với đa dạng hơn các “phương thuốc” và cách thức hỗ trợ. Bài viết nghiên cứu các quy định của pháp luật Pháp về giải quyết cho khó khăn cho doanh nghiệp, so sánh với các quy định của Luật Phá sản năm 2014 của Việt Nam và đưa ra khuyến nghị hoàn thiện Luật Phá sản.

Article Information:

Keywords: Bankruptcy procedures; mediation; negotiation; draft Law on Bankruptcy.

Article History:

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 20 Nov. 2025

Abstract:

After more than a decade of implementation, the 2014 Bankruptcy Law still exhibits limitations and has not fully achieved its intended effectiveness, one of which is the restricted and inadequate framework governing bankruptcy procedures, which fails to meet practical demands and align with international standards. The Law on Bankruptcy should be reformed to ensure that it is not merely a legal framework for the “termination” of enterprises but rather a mechanism for “revitalizing” them, offering a more diverse range of “remedies” and support mechanisms. This article examines the legal framework for corporate financial distress resolution in France, compares it with Law on Bankruptcy 2014 of Vietnam, and provides recommendations for its improvement.

Dẫn nhập

Ở Pháp, pháp luật phá sản doanh nghiệp mà chúng ta vẫn quen gọi thực chất được gọi là pháp luật về các khó khăn của doanh nghiệp (*Droit des difficultés des entreprises*). Với tên gọi như vậy, pháp luật không hướng đến sự phá sản của doanh nghiệp, mà trái lại nhằm mục đích tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng duy trì hoạt động và phục hồi cho các doanh nghiệp gặp khó khăn. Thanh lý doanh nghiệp chỉ là giải pháp

cuối cùng khi mà tất cả các giải pháp khác không phát huy hiệu quả. Các quy định này được pháp điển hóa vào Quyển thứ VI, Bộ luật Thương mại Pháp với tên gọi “Về các khó khăn của doanh nghiệp”, gồm 87 điều (từ Điều L610-1 đến L696-1). Quyển này quy định về 03 loại thủ tục tập thể, đó là: thủ tục bảo vệ (*sauvegarde*), thủ tục phục hồi tư pháp (*redressement judiciaire*) và thủ tục thanh lý tư pháp (*liquidation judiciaire*). Bên cạnh 03 thủ tục tập thể và công khai này, pháp luật

Cộng hòa Pháp còn quy định hai thủ tục sớm và bảo mật, đó là thủ tục ủy nhiệm vụ việc (*mandat ad hoc*) và thủ tục thương lượng (*conciliation*). Gọi là các thủ tục phòng ngừa sớm hoặc tiền thủ tục là vì hai thủ tục này là độc lập và được áp dụng ngay khi một doanh nghiệp gặp khó khăn nhưng chưa rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán hoặc đã mất khả năng thanh toán nhưng chưa quá 45 ngày và chưa một thủ tục tập thể chính thức nào được yêu cầu. Việt Nam có thể tham khảo được gì từ các thủ tục này của Pháp?

1. Các thủ tục phòng ngừa sớm

1.1. Thủ tục ủy nhiệm vụ việc

Như đã nêu ở trên, mục đích của pháp luật không phải chỉ là đưa ra các quy định để “khai tử” doanh nghiệp, mà trái lại là giải quyết khó khăn và “chữa bệnh” cho doanh nghiệp. Chính bởi vậy, cách chữa bệnh tốt nhất đầu tiên là phòng bệnh. Không hề ngẫu nhiên khi mà điều luật đầu tiên của Quyển VI Bộ luật Thương mại quy định về cơ chế hỗ trợ phòng ngừa rủi ro từ sớm, từ xa. Cụ thể, theo Điều L611-1, “*mọi cá nhân có đăng ký hoạt động thương mại, doanh nghiệp [...], mọi doanh nghiệp tư nhân trách nhiệm hữu hạn, mọi pháp nhân tư quyền đều có thể tham gia vào Nhóm phòng ngừa (groupement de prévention) được người đại diện của Nhà nước trong vùng phê duyệt*”. Vẫn theo điều luật này, Nhóm phòng ngừa có nhiệm vụ cung cấp cho các thành viên của mình các phân tích thông tin kinh tế, kế toán trên cơ sở dữ liệu mà doanh nghiệp cung cấp và bảo mật các thông tin đó. Khi phát hiện các dấu hiệu khó khăn, Nhóm sẽ thông báo ngay cho người đại diện doanh nghiệp và đề xuất sự tham gia giúp đỡ của chuyên gia. Ngoài ra, theo sự chỉ đạo của người đại diện cho Nhà nước trong vùng, các cơ quan có thẩm quyền sẽ hỗ trợ các nhóm phòng ngừa. Các nhóm

phòng ngừa được quyền ký các thỏa thuận phục vụ lợi ích của các thành viên, đặc biệt là các hợp đồng với các tổ chức tín dụng, các công ty tài chính và các công ty bảo hiểm.

Khi phát hiện doanh nghiệp gặp khó khăn, có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục, nhưng chưa bị mất khả năng thanh toán, thì thủ tục “chữa bệnh” được kích hoạt. Cụ thể, Chánh tòa thương mại có thể triệu tập người đại diện của doanh nghiệp đó để xem xét các biện pháp khắc phục tình hình. Đồng thời, Chánh tòa thương mại có thể yêu cầu đơn vị kiểm toán, các ủy ban kinh tế, xã hội, các cơ quan hành chính công, các tổ chức an sinh xã hội và phúc lợi cũng như các cơ quan chịu trách nhiệm tập trung rủi ro ngân hàng và sự cố thanh toán cung cấp cho mình các thông tin chính xác về tình hình kinh tế và tài chính của doanh nghiệp gặp khó khăn. Trường hợp thấy cần áp dụng các biện pháp khẩn cấp mà doanh nghiệp lại từ chối hoặc các biện pháp mà doanh nghiệp áp dụng là không đủ để giải quyết khó khăn thì đơn vị kiểm toán thông báo cho Chánh tòa thương mại các nhận định của mình và các kế hoạch tiếp theo, kèm theo các bản sao của tất cả các tài liệu cần thiết để chứng minh cho các nhận định và đánh giá về sự không đầy đủ của các biện pháp mà doanh nghiệp áp dụng. Đơn vị kiểm toán cũng có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của Tòa án, cung cấp cho Chánh tòa thương mại mọi thông tin bổ sung để giúp cho tòa đánh giá được chính xác tình hình kinh tế và tài chính của công ty.

Tòa án có thể tự mình, hoặc theo yêu cầu của doanh nghiệp, chỉ định một ủy nhiệm viên vụ việc (*mandataire ad hoc*) trong đó nêu rõ các nhiệm vụ của người này và cung cấp cho đơn vị kiểm toán biết. Trong quyết định chỉ định ủy nhiệm viên vụ việc, Tòa án sẽ nêu rõ: Nội dung nhiệm vụ của ủy nhiệm viên này (thường là giúp đỡ doanh nghiệp đàm phán

thỏa thuận với các chủ nợ chính để kéo dài thời gian trả nợ); Thời hạn của ủy nhiệm (pháp luật không ấn định, nhưng thường là 03 tháng, có khả năng gia hạn nhiều lần); Thủ lao (được thỏa thuận trước với lãnh đạo doanh nghiệp trước khi ra quyết định chỉ định)¹.

Như vậy, mục đích của thủ tục này là đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giúp doanh nghiệp (chưa mất khả năng thanh toán) nhanh chóng phục hồi lại tình trạng bình thường. Ủy nhiệm viên vụ việc sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, tư vấn cho doanh nghiệp cách giải quyết các tình huống xung đột, đàm phán lại các hợp đồng đang có hiệu lực, đàm phán thân thiện để đạt được các thỏa thuận giãn nợ với các chủ nợ chính (ngân hàng, thuế, nhà cung cấp...). Nhờ thủ tục này, doanh nghiệp có thể thương lượng với các chủ nợ chính và tất cả quá trình được giữ bảo mật. Doanh nghiệp vẫn giữ được quyền điều hành và quản lý doanh nghiệp của mình. Các thương lượng cụ thể sau đó có thể sẽ được tổ chức với sự tham gia của một hòa giải viên trong khuôn khổ tổ tụng tại Tòa thương mại hoặc Tòa án khác có thẩm quyền². Đây là một thủ tục rất hiệu quả, đặc biệt đối với một số lĩnh vực đặc thù như bất động sản, xây dựng... vốn có tính chu kỳ và dòng tiền không phải lúc nào cũng linh hoạt. Thực tế ở Pháp cho thấy, “có những doanh nghiệp nhờ vào thủ tục “*mandat ad hoc*” này mà đã được hoãn trả nợ trong một thời gian dài. Có rất nhiều nhà thầu xây dựng đã hoàn tất công trình nhưng không thể bán được vì không có người mua, do lãi suất đi vay tiền mua nhà quá cao. Họ đã tìm đến thủ tục “*mandat ad hoc*” và được chủ nợ ngân hàng

hoãn kỳ hạn trả nợ các khoản vay nhiều lần, có thể lên tới hơn một năm, nhằm chờ tới khi thị trường nhà ở ổn định trở lại”³. Đây là một kinh nghiệm có thể rất hữu ích đối với Việt Nam khi mà các doanh nghiệp bất động sản cũng gặp những khó khăn tương tự ở Pháp.

1.2. Thủ tục hòa giải

Ngoài thủ tục ủy nhiệm nêu trên, Tòa án thương mại có thể áp dụng thủ tục thương lượng (*conciliation*). Chánh tòa thương mại sẽ tự mình hoặc theo đề xuất của doanh nghiệp gặp khó khăn chỉ định một hòa giải viên có thời hạn để tiến hành hòa giải. Thời hạn này không vượt quá 04 tháng nhưng có thể gia hạn thêm tối đa 01 tháng. Trường hợp các bên đạt được thỏa thuận trước khi hết thời hạn này thì nhiệm vụ của hòa giải viên tự động chấm dứt vào thời điểm đạt được thỏa thuận. Trường hợp hết thời hạn hòa giải mà các bên không đạt được thỏa thuận thì nhiệm vụ của hòa giải viên cũng chấm dứt. Sau khi mở thủ tục hòa giải, Tòa án có thể yêu cầu tất cả các cá nhân, tổ chức liên quan (đặc biệt là đơn vị kế toán, kiểm toán, công chứng, các thành viên và các đại diện của người lao động, các cơ quan hành chính công, các tổ chức an sinh và phúc lợi xã hội, các tổ chức tài chính, các công ty tài trợ, các doanh nghiệp bảo hiểm...) cung cấp cho mình mọi thông tin cho phép đánh giá tình hình kinh tế, tài chính, nhân sự, tài sản và các khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp mắc nợ. Ngoài ra, tòa còn có thể chỉ định một chuyên gia lập một báo cáo về tình hình kinh tế, tài chính, nhân sự và tài sản của doanh nghiệp mắc nợ⁴.

¹) Theo Điều L611-2.

²) Đối với các chủ thể không phải là thương nhân thì Tòa án có thẩm quyền không nhất thiết là tòa thương mại.

³) Xem: Đỗ Viết Anh Thái, *Quy định về thương lượng, hòa giải trong thủ tục phục hồi và phá sản tại Pháp và một số bình luận về thương lượng, hòa giải trong Dự thảo Luật Phá sản (sửa đổi)*, Hội thảo tham vấn ý kiến đối với Dự án Luật Phá sản do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức ngày 25/02/2025.

⁴) Điều L611-6.

Nhiệm vụ của hòa giải viên là thúc đẩy việc đi đến thỏa thuận thân thiện giữa doanh nghiệp người mắc nợ và các chủ nợ chính, và nếu có thể, với cả các đối tác thông thường, nhằm chấm dứt khó khăn của công ty. Hòa giải viên có thể đưa ra các đề xuất nhằm phục hồi doanh nghiệp, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và giữ việc làm. Theo yêu cầu của doanh nghiệp và sau khi có ý kiến của các chủ nợ tham gia hòa giải, hòa giải viên có thể tổ chức việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ công ty mà sau đó có thể sẽ được thực hiện trong khuôn khổ thủ tục bảo vệ (*sauegarde*), thủ tục phục hồi tư pháp (*redressement judiciaire*) hoặc thủ tục thanh lý tư pháp (*liquidation judiciaire*). Để thực hiện nhiệm vụ của mình, hòa giải viên có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp mọi thông tin cần thiết. Chánh tòa cũng có thể cung cấp cho hòa giải viên các thông tin mình có, và trong trường hợp cần thiết là các kết quả của báo cáo thẩm định độc lập quy định tại Điều 611-6.

Trong giai đoạn hòa giải, các tổ chức tài chính, các tổ chức an sinh và phúc lợi xã hội, các tổ chức bảo hiểm thất nghiệp quy định tại Điều L5422-1 và tiếp theo của Bộ luật Lao động và các tổ chức quy định tại Quyển IX Bộ luật An sinh xã hội có thể miễn hoặc giảm nợ theo các điều kiện quy định tại Điều L626-6. Việc chuyển nhượng quyền ưu tiên hoặc thứ hạng thế chấp hoặc việc từ bỏ các biện pháp bảo đảm có thể được thực hiện theo các điều kiện tương tự.

Hòa giải viên phải báo cáo cho Tòa án về tiến độ thực hiện nhiệm vụ của mình và đưa ra những nhận xét hữu ích về những nỗ lực khắc phục của doanh nghiệp mắc nợ. Trong quá trình hòa giải, người mắc nợ có thể yêu cầu Tòa án áp dụng Điều 1343-5 Bộ luật Dân sự⁵ đối với chủ nợ đã thông báo, khởi kiện hoặc không chấp nhận yêu cầu đình chỉ thi hành nghĩa vụ trả nợ của chủ nợ trong thời hạn do hòa giải viên ấn định. Trong trường hợp này, Thẩm phán có thể ra lệnh hoãn trả nợ hoặc hoãn việc giải quyết các khoản nợ chưa thanh toán, trong giới hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên. Tòa án có thể ấn định thời hạn cho các biện pháp như vậy tùy thuộc vào khả năng các bên ký kết được thỏa thuận hòa giải. Trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên sẽ báo cáo ngay với Tòa án. Tòa án sẽ ra quyết định chấm dứt nhiệm vụ của hòa giải viên và chấm dứt thủ tục hòa giải⁶.

Trường hợp các bên đạt được thỏa thuận thì Tòa án, theo yêu cầu chung của các bên, sẽ xác nhận (*constater*) thỏa thuận này và thỏa thuận sẽ có hiệu lực thi hành. Quyết định xác nhận thỏa thuận không phải công bố, không thể bị kháng cáo và chấm dứt quá trình hòa giải.

Trường hợp các bên đạt được thỏa thuận và doanh nghiệp mắc nợ yêu cầu Tòa án phê chuẩn (*homologuer*) thỏa thuận, thì Tòa án sẽ phê chuẩn thỏa thuận đó nếu hội đủ các điều

⁵) Theo đó, căn cứ tình hình của người có nghĩa vụ và trên cơ sở xem xét nhu cầu của người có quyền, Tòa án có thể lùi thời hạn thanh toán các khoản tiền, hoặc chia thành từng kỳ hạn nhỏ, trong thời gian không vượt quá hai năm. Bằng một quyết định đặc biệt và có giải thích rõ lý do, Tòa án có thể tuyên rằng các khoản tiền tương ứng với các kỳ hạn bị lùi thời hạn thanh toán sẽ được tính lãi với lãi suất tối thiểu ngang với lãi suất theo luật định, hoặc các khoản thanh toán sẽ được khấu trừ trước tiên vào phần gốc.

Để thực hiện các biện pháp này, Tòa án có thể yêu cầu người có nghĩa vụ hoàn thành các chứng thư nhằm mục đích tạo thuận lợi hoặc bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ. Phán quyết của Tòa án làm hoãn các thủ tục thi hành án mà người có quyền có thể thực hiện. Việc tăng lãi suất hoặc tiền phạt quy định trong trường hợp chậm trễ sẽ không được tính trong thời hạn do tòa quy định.

Bất cứ quy định nào trái với nội dung trên đều bị coi là vô hiệu.

Các quy định tại điều này không được áp dụng đối với các nghĩa vụ cấp dưỡng.

⁶) Điều L611-7.

kiện: Doanh nghiệp mắc nợ không bị mất khả năng thanh toán hoặc thỏa thuận giúp doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán; Các nội dung của thỏa thuận nhằm bảo đảm sự bền vững các hoạt động của doanh nghiệp; Thỏa thuận không ảnh hưởng đến lợi ích của các chủ nợ không tham gia thỏa thuận.

Trong cả hai trường hợp, Tòa án có thể, theo yêu cầu của doanh nghiệp mắc nợ, chỉ định hòa giải viên là người được ủy nhiệm để thực hiện thỏa thuận này. Trong trường hợp có các khó khăn gây cản trở, người được ủy nhiệm này phải báo cáo ngay cho Tòa án. Tòa án có thể ra quyết định chấm dứt nhiệm vụ của ủy nhiệm viên này và thông báo cho doanh nghiệp mắc nợ. Doanh nghiệp mắc nợ cũng có thể yêu cầu tòa ra quyết định chấm dứt nhiệm vụ của ủy nhiệm viên vào bất kỳ lúc nào⁷. Việc phê chuẩn thỏa thuận sẽ làm chấm dứt thủ tục hòa giải. Quyết định phê chuẩn phải được công bố công khai, được nộp cho cơ quan lưu trữ và tất cả những người quan tâm đều có thể tra cứu. Cơ quan công tố và các bên tham gia thỏa thuận có quyền kháng cáo. Trong khi đó, quyết định không phê duyệt sẽ không phải công bố, nhưng có thể bị kháng cáo⁸.

2. Các thủ tục tập thể và cơ chế thương lượng

2.1. Các loại thủ tục tập thể

Khi thủ tục ủy nhiệm vụ việc hoặc thủ tục hòa giải không thành hoặc cũng có thể doanh nghiệp không muốn áp dụng các thủ tục trên thì doanh nghiệp có thể sử dụng 3 loại thủ tục tập thể, đó là thủ tục bảo vệ (*sauvegarde*), thủ tục phục hồi tư pháp (*redressement*

judiciaire) hoặc thủ tục thanh lý tư pháp (*liquidation judiciaire*). Gọi là thủ tục tập thể là vì các thủ tục này sẽ có sự tham gia của tất cả các chủ nợ và những cá nhân, tổ chức liên quan (Tòa án, quản tài viên, chủ nợ...).

2.1.1. Thủ tục bảo vệ

Khi doanh nghiệp gặp những khó khăn lớn, đột ngột không thể vượt qua dù đã áp dụng thủ tục phòng ngừa sớm thì có thể chuyển sang thủ tục bảo vệ. Ngoài ra, khi gặp khó khăn quá lớn, đột ngột và tự đánh giá thấy cơ chế phòng ngừa sớm sẽ không phát huy hiệu quả thì doanh nghiệp có thể áp dụng ngay thủ tục bảo vệ, dù chưa bị mất khả năng thanh toán.

Theo Điều L620-1, “*Thủ tục bảo vệ có thể được mở theo yêu cầu của người mắc nợ quy định tại Điều L620-2⁹ chưa rơi vào tình trạng ngừng thanh toán, chứng minh được các khó khăn mà mình không thể vượt qua*”. Thủ tục bảo vệ “*nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm giúp cho doanh nghiệp tiếp tục các hoạt động kinh tế, duy trì việc làm và thanh toán các khoản nợ*”. Trong thủ tục bảo vệ, doanh nghiệp mắc nợ sẽ được hưởng một “giai đoạn quan sát” để lập kế hoạch phục hồi. Trong giai đoạn này các khoản nợ có thể bị đóng băng, nhưng hoạt động của doanh nghiệp vẫn được tiếp tục và chủ doanh nghiệp vẫn duy trì được quyền tự chủ của mình. Thủ tục này, như tên gọi của nó cho thấy¹⁰, có tính chất bảo vệ doanh nghiệp cao. Thủ tục này được áp dụng khi doanh nghiệp chưa bị mất khả năng thanh toán.

⁷) Điều L611-8.

⁸) Điều L611-10.

⁹) Quy định thủ tục phòng ngừa được áp dụng đối với các cá nhân thực hiện hoạt động thương mại, thủ công nghiệp, nông nghiệp quy định tại L311-1 của Bộ luật Nông, ngư nghiệp, và mọi cá nhân thực hiện hoạt động nghề nghiệp độc lập, bao gồm cả nghề tự do theo quy chế pháp lý luật định và mọi pháp nhân tư quyền.

¹⁰) *Sauvegarde* trong tiếng Pháp có nghĩa là “bảo vệ”, “bảo đảm” bởi một cơ quan công quyền.

Cần lưu ý rằng, thủ tục này chỉ có thể được yêu cầu bởi duy nhất doanh nghiệp gặp khó khăn. Các chủ nợ không có quyền yêu cầu áp dụng loại thủ tục này, đơn giản vì doanh nghiệp chưa bị mất khả năng thanh toán. Trong thực tiễn ở Pháp, thủ tục phòng ngừa thường được yêu cầu khi doanh nghiệp gặp những khó khăn lớn, đột ngột và bất ngờ về tiếp cận thị trường, về cung ứng nguồn hàng hoặc nguyên vật liệu, về thay đổi chính sách pháp luật, đặc biệt chính sách thuế, hoặc về các vụ kiện tụng... Đối diện với những biến động này, doanh nghiệp chưa đến mức bị mất khả năng thanh toán, nhưng có thể dự báo trước sẽ không thể tiếp tục hoạt động bình thường nếu không có các biện pháp bảo vệ. Thủ tục bảo vệ dưới sự kiểm soát của Tòa án có thể làm tăng cơ hội phục hồi của doanh nghiệp.

Thủ tục bảo vệ có nhiều ưu điểm:

Thứ nhất, thủ tục bảo vệ cung cấp cho doanh nghiệp mắc nợ một cơ chế bảo vệ pháp lý ngay lập tức đối với các chủ nợ. Ngay khi mở thủ tục này, mọi truy đòi của từng chủ nợ để thu hồi khoản nợ sẽ bị tạm dừng, kể cả các biện pháp kê biên và các kiện tụng trước tòa. Sự đình chỉ trong “giai đoạn quan sát” này cho phép doanh nghiệp tạm thời tránh được áp lực trả nợ và tập trung vào việc xây dựng kế hoạch phục hồi mà không phải lo lắng về các khoản nợ đến hạn. Các chủ nợ sẽ phải kê khai nợ đến quản tài viên và người này sẽ đóng vai trò trung tâm trong việc tái cấu trúc doanh nghiệp.

Thứ hai, doanh nghiệp duy trì được hoạt động và việc làm. Trong giai đoạn áp dụng thủ tục bảo vệ, doanh nghiệp tiếp tục duy trì các hoạt động của mình. Việc này có ý nghĩa lớn không chỉ đối với doanh nghiệp mắc nợ, mà còn cả đối với người lao động, cũng như các đối tác và các khách hàng. Với các đối tác, việc doanh nghiệp được bảo vệ sẽ làm tăng

cơ hội doanh nghiệp được phục hồi và nhờ đó có thể trả được đầy đủ các khoản nợ, điều sẽ không chắc chắn nếu áp dụng thủ tục phục hồi tư pháp hoặc thủ tục thanh lý. Ý nghĩa này càng lớn hơn đối với các chủ nợ không có bảo đảm. Với các khách hàng của doanh nghiệp mắc nợ, việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp mắc nợ sẽ giúp các cam kết, các hợp đồng được tiếp tục thực hiện, qua đó tránh bị vi phạm hợp đồng theo dây chuyền.

Thứ ba, tái cấu trúc tài chính và hoạt động. Thủ tục bảo vệ cho phép doanh nghiệp tái cấu trúc tài chính và hoạt động một cách sâu sắc và toàn diện dưới sự giám sát và hỗ trợ của Tòa án cũng như của các chuyên gia. Doanh nghiệp mắc nợ có cơ hội cao hơn để đàm phán với các chủ nợ về kế hoạch trả nợ, thường được giãn theo các điều kiện thuận lợi hơn và không phải chịu lãi suất chậm trả. Sự tái cấu trúc này cũng có thể bao gồm cả tái cấu trúc các hoạt động của doanh nghiệp, giúp giảm chi phí, tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh, và trong một số trường hợp, chuyển nhượng các phần vốn góp vào các lĩnh vực không phải là thế mạnh của doanh nghiệp.

2.1.2. Thủ tục phục hồi tư pháp

Thủ tục phục hồi tư pháp, theo Điều L631-1, có thể “*được mở theo yêu cầu của người mắc nợ quy định tại các Điều L631-2 Điều L631-3 khi người mắc nợ không thể đáp ứng các khoản nợ tới hạn với tài sản hiện có và mất khả năng thanh toán*”. Thủ tục phục hồi tư pháp theo điều Luật này là nhằm giúp cho doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán tiếp tục được các hoạt động sản xuất, kinh doanh, duy trì việc làm và thanh toán các khoản nợ. Thủ tục này dẫn tới một kế hoạch được phê duyệt bằng quyết định của Tòa án sau giai đoạn quan sát, và trong trường hợp cần thiết, thành lập các nhóm chủ thể bị tác động, theo các quy định của Điều L629-29

và Điều L626-30. Doanh nghiệp mắc nợ yêu cầu thủ tục phục hồi tư pháp thì phải nộp đơn muộn nhất 45 ngày tính từ ngày bị mất khả năng thanh toán, nếu trong thời gian này, doanh nghiệp nợ không yêu cầu thủ tục thương lượng (Điều L631-4).

Mặc dù đây là thủ tục phục hồi tư pháp, tức là mục đích chính vẫn là cứu vãn doanh nghiệp, nhưng thực tế cho thấy khả năng thành công ở giai đoạn này là không cao. Thực tế ở Pháp, khi doanh nghiệp rơi vào tình trạng này thì có tới 70% khả năng Tòa án sẽ đánh giá tình trạng của doanh nghiệp là không thể phục hồi và sẽ tuyên bố thanh lý tư pháp ngay lập tức: dừng hoạt động và bán tài sản, kể cả các hợp đồng khách hàng và một số hợp đồng lao động¹¹.

Ở giai đoạn này, doanh nghiệp vốn đã khó khăn sẽ lại càng thêm khó vì các nhà cung cấp nóng vội sẽ yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho hàng hóa và dịch vụ đã được giao, đơn đặt hàng mới sẽ ít, thậm chí không còn. Nhân viên lo lắng mất động lực và người quản lý mất đi quyền tự chủ, vì buộc phải được “hỗ trợ” trong việc quản lý bởi quản tài viên và Tòa án. Dòng tiền của doanh nghiệp cũng bị theo dõi chặt chẽ từng ngày. Lãnh đạo doanh nghiệp buộc phải thích nghi với nhịp độ và các quy tắc phức tạp của Tòa án, trải qua cảm giác thất bại và tội lỗi, cảm giác này càng trầm trọng hơn khi những khó khăn được công khai.

Tuy vậy, thủ tục này cũng có những tác dụng tích cực của nó. Trong vài tuần hoặc vài tháng, doanh nghiệp sẽ được bảo vệ, hỗ trợ (nhưng cũng là giám sát) của Tòa án, quản tài viên và những người tham gia thủ tục. Quy trình này cho phép người quản lý xây dựng kế hoạch tiếp tục với lợi nhuận thu được và

đàm phán và/hoặc trả nợ trong nhiều năm. Việc trả nợ của doanh nghiệp sẽ được tạm thời đóng băng và doanh nghiệp vẫn tiếp tục được hoạt động. Doanh nghiệp có thể huy động các khoản phải thu của khách hàng từ đơn vị thu nợ để thu tiền mặt ngay lập tức. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng được bảo vệ khỏi hành vi chấm dứt hợp đồng một cách vô cớ của khách hàng hoặc nhà cung cấp. Đối với người lao động, việc trả lương sẽ được bảo đảm bởi Tổ chức bảo hiểm lao động (Organisme d'assurance des salariés - AGS). Như vậy, đây là cơ hội để doanh nghiệp phục hồi.

2.2.3. Thủ tục thanh lý tư pháp

Theo Điều L640-1, thủ tục thanh lý tư pháp sẽ được mở đối với những người mắc nợ bị mất khả năng thanh toán và không còn khả năng phục hồi. Mục đích của thủ tục thanh lý tư pháp là chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp hoặc phân chia tài sản/hoạt động của doanh nghiệp thông qua kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ hoặc từng phần các quyền và tài sản của doanh nghiệp.

Xét trên góc độ doanh nghiệp mắc nợ, thủ tục này chính là nhằm “khai tử” doanh nghiệp và đó là điều doanh nghiệp không mong muốn nhưng phải chấp nhận. Xét trên góc độ của các chủ nợ, thủ tục này giúp họ được thanh toán theo các trật tự ưu tiên nhất định để bảo đảm sự công bằng cho tất cả các chủ nợ trong từng nhóm.

2.2. Cơ chế thương lượng trong các thủ tục tập thể

Khi thủ tục tập thể được mở cũng là lúc các mâu thuẫn, xung đột về lợi ích giữa doanh nghiệp mắc nợ với các chủ nợ gia tăng cao nhất. Để nâng cao hiệu quả của thủ tục tập thể với mục đích cao nhất là phục hồi

¹¹⁾ Guy Degeorges (2023), Des avantages du redressement judiciaire. Xem tại: <https://solutions.lesechos.fr/compta-gestion/c/avantages-redressement-judiciaire-11264/>, truy cập ngày 8/3/2025.

doanh nghiệp, pháp luật Pháp quy định về cơ chế thương lượng (*transaction*). Gọi là cơ chế là bởi vì đây không phải là một loại thủ tục độc lập so với 5 loại thủ tục đã trình bày ở trên¹², mà chỉ là một biện pháp hỗ trợ mà doanh nghiệp có thể sử dụng đối với một hoặc một vài chủ nợ để thủ tục tập thể được diễn ra với kết quả tốt nhất. Thông qua quá trình thương lượng, các bên sẽ bàn bạc, dàn xếp, nhượng bộ để tháo gỡ các bất đồng và đi đến một thỏa thuận có lợi nhất cho tất cả các bên. Thương lượng được quy định trong các Điều L622-7 (trong thủ tục bảo vệ) và L631-14, R622-6 (trong thủ tục phục hồi tư pháp) và L642-24 (trong thủ tục thanh lý tư pháp).

Về nguyên tắc, để bảo đảm sự công bằng đối với tất cả các chủ nợ, nên một khi thủ tục tập thể đã được mở thì doanh nghiệp mắc nợ không còn được hoàn toàn tự chủ trong công việc kinh doanh, ký kết các thỏa thuận hay hợp đồng mới. Việc doanh nghiệp thương lượng với một chủ nợ này có thể làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp đối với chủ nợ khác và vì vậy ảnh hưởng đến tính công bằng, nên thương lượng phải được sự cho phép của Thẩm phán phụ trách vụ việc phá sản (*juge commissaire*). Thẩm phán không ra lệnh thương lượng, mà chỉ cho phép thương lượng, tức là doanh nghiệp phải chủ động đưa ra yêu cầu và chứng minh yêu cầu của mình là cần thiết. Ngoài ra, để bảo đảm nguyên tắc phân chia công bằng giữa các nhóm chủ nợ, thương lượng sẽ không được vượt quá một số tiền nhất định.

Có rất nhiều lý do để doanh nghiệp mắc nợ sử dụng cơ chế thương lượng trong các thủ tục tập thể. Chẳng hạn, khi một doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng gặp khó khăn về tài chính và đã nợ nhiều tháng tiền nhà từ trước khi thủ tục phục hồi được mở, chủ

nhà sẽ có xu hướng muốn đình chỉ hợp đồng và đòi lại nhà. Đối với doanh nghiệp, việc đình chỉ hợp đồng thuê nhà sẽ đồng nghĩa với việc nhà hàng bị đóng cửa và công việc kinh doanh chấm dứt. Trong trường hợp này, doanh nghiệp sẽ muốn thương lượng với chủ nhà theo hướng trả một khoản phí để tiếp tục hợp đồng thuê nhà. Tuy nhiên, theo quy định về luật phá sản, việc thanh toán các khoản nợ phát sinh trước khi mở thủ tục phá sản bị nghiêm cấm. Hơn nữa, việc chi trả một khoản phí cho người cho thuê sẽ ảnh hưởng đến tài sản của doanh nghiệp. Vì vậy, để quá trình thương lượng được diễn ra, doanh nghiệp có thể đề xuất phương án thanh toán khoản phí, điều này phải được thẩm phán cho phép.

3. So sánh với pháp luật Việt Nam và khuyến nghị

3.1. Về các loại thủ tục

Luật Phá sản năm 2014 chỉ quy định về thủ tục phá sản chung, sau đó tùy thuộc vào tình trạng và khả năng của doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán mà sẽ có thủ tục phục hồi (Chương VII) hay thủ tục thanh lý, tức là tuyên bố doanh nghiệp phá sản (Chương IX) và xử lý tài sản của doanh nghiệp bị phá sản (Chương X). Mốc thời điểm bắt đầu của các loại thủ tục này là doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán các khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán (khoản 1 Điều 4), tức là ở thời điểm mà doanh nghiệp đã rất khó khăn và cơ hội phục hồi đã giảm xuống rất thấp. Việc quy định về thời hạn mất khả năng thanh toán để bắt đầu thủ tục như vậy là quá dài, cộng với việc không quy định về các loại thủ tục phòng ngừa và thủ tục bảo vệ sớm làm cho doanh nghiệp mất đi khả năng “phòng bệnh” và “chữa bệnh” từ sớm. Có lẽ, triết lý của Luật Phá sản năm 2014 vẫn chủ yếu dừng ở việc quy định về

¹² Thủ tục ủy nhiệm vụ việc; thủ tục hòa giải; thủ tục bảo vệ; thủ tục phục hồi tư pháp; thủ tục thanh lý tư pháp.

“khai tử” doanh nghiệp. Pháp luật của Pháp cho thấy ưu tiên của luật là tháo gỡ khó khăn và phục hồi doanh nghiệp, còn thanh lý chỉ là giải pháp cuối cùng khi tất cả các giải pháp trước đó không phát huy tác dụng.

Theo tác giả, Luật Phá sản của Việt Nam cũng nên được sửa đổi bám sát tinh thần trên. Luật Phá sản nên bổ sung các thủ tục phòng ngừa mà doanh nghiệp mắc nợ có thể áp dụng ngay cả khi chưa bị mất khả năng thanh toán, như kinh nghiệm của Pháp nêu trên. Lợi ích của thủ tục hòa giải là rất lớn. Đối với doanh nghiệp mắc nợ, ngoài việc được tạm thời giải quyết khó khăn với chi phí rẻ¹³, được hoãn, giãn tiến độ trả nợ, không phải chịu lãi suất chậm trả, doanh nghiệp còn được dỡ bỏ tự động lệnh cấm phát hành séc, được dừng mọi khiếu kiện và truy đòi của từng chủ nợ với động sản và bất động sản trong giai đoạn thực thi thỏa thuận. Ngoài ra, thủ tục này là bảo mật (chỉ trừ trường hợp chính doanh nghiệp mắc nợ yêu cầu phê chuẩn thỏa thuận), nên sẽ giúp cho doanh nghiệp giữ được niềm tin đối với các chủ nợ, các đối tác và các khách hàng nên khả năng tiếp tục hoạt động sẽ cao hơn so với các thủ tục tập thể (vốn sẽ được công khai và khi đó việc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp bị sụt giảm nghiêm trọng không chỉ vì khả năng nội tại của doanh nghiệp, mà còn do các đối tác không muốn hoặc đặt ra các điều kiện giao dịch khắt khe hơn).

Đối với chủ nợ tham gia thỏa thuận, họ sẽ được hưởng hai lợi ích chính. *Thứ nhất*, họ sẽ không bị các chủ thể khác khiếu kiện đòi

bồi thường vì đã lạm dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp gặp khó khăn. *Thứ hai*, trong trường hợp doanh nghiệp mắc nợ bị mở thủ tục bảo vệ, thủ tục phục hồi hoặc thủ tục thanh lý, họ sẽ được ưu tiên thanh toán so với các chủ nợ trước khi mở thủ tục hòa giải, nếu họ đã cấp cho doanh nghiệp mắc nợ một khoản đóng góp tiền mặt mới giúp doanh nghiệp mắc nợ tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh¹⁴. Chính vì những ưu điểm này mà rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn ở Pháp sử dụng loại thủ tục này từ sớm và theo một nghiên cứu, khả năng thành công khoảng 60%¹⁵.

Ngoài ra, pháp luật Việt Nam cũng nên bổ sung thủ tục bảo vệ sớm giống như thủ tục sauvegarde của Pháp, cho phép doanh nghiệp tuy chưa bị mất khả năng thanh toán, nhưng có những căn cứ chắc chắn rằng sẽ không thể thanh toán cho các khoản nợ sắp tới hạn và không thể hoạt động được yêu cầu mở thủ tục bảo vệ sớm, qua đó tăng cơ hội phục hồi.

3.2. Về cơ chế thương lượng

Luật Phá sản năm 2014 của Việt Nam có quy định về “*Thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán*”, nhưng còn nhược điểm, cụ thể Điều 37 quy định: “1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có quyền đề nghị bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân để các bên **thương lượng việc**

¹³ Chi phí chỉ định hòa giải viên là 300 Euro. Sau đó chi phí hòa giải sẽ phụ thuộc vào độ phức tạp của hòa giải. Phí này sẽ được ấn định bởi Tòa án và thường thấp hơn rất nhiều so với số tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong các thủ tục phục hồi hoặc thủ tục thanh lý. Xem: <https://www.legalstart.fr/fiches-pratiques/entreprises-en-difficulte/procedure-de-conciliation/>, truy cập ngày 8/3/2025.

¹⁴ Điều L611-11.

¹⁵ Guy Degeorges (2023), Des avantages du redressement judiciaire. Xem tại: <https://solutions.lesechos.fr/compta-gestion/c/avantages-redressement-judiciaire-11264/>, truy cập ngày 8/3/2025.

rút đơn. Tòa án nhân dân ấn định thời gian thương lượng nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ”.

Như vậy, mục đích của thương lượng chỉ là để rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và thời gian ngắn nên việc thương lượng rất khó thành. Thậm chí, có chủ nợ đã “lạm dụng thủ tục này nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với người mắc nợ, nhưng mục tiêu chính là đòi nợ cá nhân, ép người mắc nợ

phải thương lượng”¹⁶. Điều này trái với bản chất đòi nợ tập thể của thủ tục phá sản.

Theo tác giả, Điều 37 Luật Phá sản nên được sửa đổi theo hướng coi đây là một biện pháp để gia tăng hiệu quả cho các thủ tục tập thể (chứ không chỉ để nhằm rút yêu cầu thủ tục phá sản) bằng cách cho phép doanh nghiệp mắc nợ thương lượng với một/một số chủ nợ dưới sự giám sát của Tòa án/quản tài viên, để giải quyết các khoản nợ nhằm mục đích tăng cơ hội phục hồi■

¹⁶ Dự thảo Tờ trình của Tòa án nhân dân tối cao về Dự thảo Luật Phá sản (sửa đổi). Xem tại: https://vibonline.com.vn/du_thao/du-thao-luat-pha-san-sua-doi-3, truy cập ngày 8/3/2025.

GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT... (tiếp theo trang 54)

118 và 119 đã bỏ sót trường hợp *Nhà nước giao đất cho các đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp*? Đây là vấn đề cần xem xét trong Dự thảo Nghị quyết.

Hai là, Điều 120 Luật Đất đai năm 2024 và Dự thảo Nghị quyết đều sử dụng phương pháp loại trừ để quy định các trường hợp được Nhà nước cho thuê đất. Cụ thể, “*Nhà nước cho thuê đất đối với các trường hợp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 118 và Điều 119 của Luật này*”. Như vậy, nếu không thuộc trường hợp giao đất có thu tiền và không thu tiền sử dụng đất thì sẽ rơi vào trường hợp được Nhà nước cho thuê đất. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc sẽ không thể đồng thời tồn tại một trường hợp vừa có thể được Nhà nước giao đất, vừa có thể được Nhà nước cho thuê đất. Nói cách khác, cách quy định “*Nhà nước **giao đất, cho thuê đất** đối với các đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp*” tại khoản 2 Điều 202 là không hợp lý. Xét các quy định tại Điều 33, Điều 34 về quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập được

Nhà nước cho thuê đất có thể thấy các Điều luật này có quy định về trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê hoặc thuê đất trả tiền thuê hằng năm để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai năm 2024.

Như vậy, từ các lập luận và các quy định tại Điều 118, 119, 120, 33, 34 Luật Đất đai năm 2024 có thể thấy rằng, Nhà nước không giao đất mà cho thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại khoản 2 Điều 202. Do đó, tác giả kiến nghị sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 202 để bảo đảm tính thống nhất trong các quy định pháp luật như sau: “*Đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, huyện biên giới, huyện đảo mà không thu hút được nhà đầu tư thì Nhà nước **cho thuê đất** đối với các đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp*”■